

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59, đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là “Quỹ”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 05 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

• Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ	: Số 59, đường 16 tháng 4, Phường Thanh Sơn, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại	: 0259 3828 583
Fax	: 0259 3828 585
Mã số thuế	: 4500560092

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Quỹ trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản lý</u>			
Ông Phan Tấn Cảnh	Chủ tịch	21/12/2020	
Ông Nguyễn Văn Nhựt	Phó Chủ tịch thường trực	21/12/2020	
Ông Phan Quỳnh Dao	Phó Chủ tịch chuyên trách	21/12/2020	
Ông Lê Kim Hoàng	Thành viên	21/12/2020	
Ông Hồ Chu Vân	Thành viên	21/12/2020	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Huỳnh Tấn Quốc	Trưởng ban		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên		
Bà Trần Thị Phước Tuyền	Thành viên		
<u>Ban Giám đốc</u>			
Ông Phan Quỳnh Dao	Giám đốc		
Ông Nguyễn Hùng	Phó Giám đốc	01/11/2020	
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là ông Phan Quỳnh Dao, chức vụ Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Quỹ cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

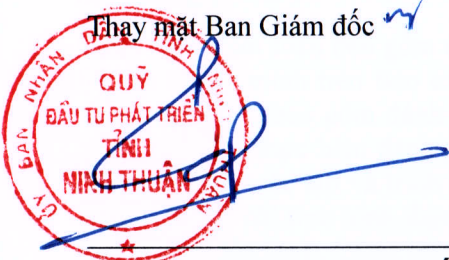
Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo rằng, Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Quỹ và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Quỹ cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Quỳnh Dao - Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

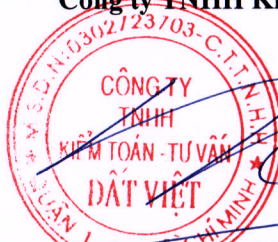
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HAI – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

TRẦN THỌ ĐỨC TIỀN - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: : 4325-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01 - ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN (100 = 110+120+130+140+150+160+170+180)	100		131.560.813.521	133.905.134.981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.506.750	49.524.413
Tiền	111		23.506.750	49.524.413
II. Các khoản đầu tư	120		119.144.633.824	120.855.786.940
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121	V.2	93.642.000.000	92.375.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	121a		93.642.000.000	92.375.000.000
2. Cho vay	122	V.3	25.502.633.824	28.480.786.940
a. Cho vay	122a		25.695.348.941	28.696.006.992
b. Dự phòng rủi ro cho vay	122b		(192.715.117)	(215.220.052)
III. Các khoản phải thu	130		2.694.582.830	2.662.906.494
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	2.441.955.830	2.597.782.848
a. Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	131a		1.360.910.188	1.864.212.329
b. Phải thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp	131b		567.765.000	-
d. Phải thu phí hoạt động nhận ủy thác, phí quản lý hợp vốn	131d		513.280.642	733.570.519
			-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	222.750.000	-
3. Phải thu khác	136	V.6	29.877.000	65.123.646
IV. Hàng tồn kho	140		-	892.274.334
Hàng tồn kho	141	V.7	-	892.274.334
V. Tài sản cố định	150		9.349.185.481	9.415.997.557
1. Tài sản cố định hữu hình	151	V.8	807.785.481	874.597.557
Nguyên giá	152		1.636.633.710	1.636.633.710
Giá trị hao mòn lũy kế	153		(828.848.229)	(762.036.153)
2. Tài sản cố định vô hình	157	V.9	8.541.400.000	8.541.400.000
Nguyên giá	158		8.541.400.000	8.541.400.000
VI. Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII. Tài sản dở dang	170		310.234.391	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	171	V.10	310.234.391	-
VIII. Tài sản khác	180		38.670.245	28.645.243
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		-	2.915.272
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	182	V.14	38.670.245	-
3. Chi phí trả trước	183	V.11	-	25.729.971

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. NỢ PHẢI TRẢ	200		1.708.894.116	10.276.795.375
I. Nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay	210		-	-
II. Các khoản phải trả	220		1.708.894.116	10.276.795.375
1. Phải trả người bán	221	V.13	28.807.130	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	224	V.14	945.829.828	8.976.577.350
3. Phải trả người lao động	225		298.306.091	792.502.122
4. Phải trả khác	229	V.15	124.171.824	106.232.164
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232	V.16	311.779.243	401.483.739
III. Vay và nợ thuê tài chính	240		-	-
C. VỐN CHỦ SỞ HỮU	300		129.851.919.405	123.628.339.606
I. Vốn chủ sở hữu	310	V.17	129.851.919.405	123.628.339.606
1. Vốn góp của chủ sở hữu	311		120.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	314		139.063.772	11.401.968.912
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	315		2.911.094.453	1.855.605.600
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	316		6.801.761.180	10.370.765.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	316b		6.801.761.180	10.370.765.094
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	320		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (330=200+300)	330		131.560.813.521	133.905.134.981

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 3 năm 2022



Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

[Handwritten signature]

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Võ Thị Minh Thư
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

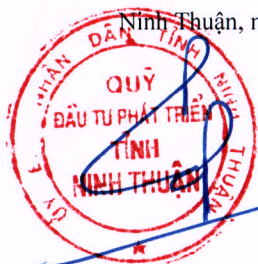
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B02-ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Thu nhập lãi thuần	01	VI.1	6.578.635.261	7.196.222.725
1.1. Doanh thu thuần lãi cho vay	02		6.580.106.599	7.197.020.292
1.2. Chi phí lãi vay, chi phí liên quan trực tiếp tới việc huy động vốn và các Khoản chi phí hoạt động cho vay	03		1.471.338	797.567
2. Thu thập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	04	VI.2	5.152.327.495	9.875.794.031
2.1. Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	05		6.132.961.639	20.722.252.872
2.2. Chi phí hoạt động đầu tư trực tiếp	06		980.634.144	10.846.458.841
3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	07	VI.3	474.982.401	668.243.812
3.1. Doanh thu thuần hoạt động dịch vụ	08		474.982.401	668.243.812
4. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10		-	-
5. Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	13		-	-
6. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	VI.4	3.955.601.969	5.410.971.983
7. Thu nhập thuần khác	17	VI.5	17.699.019	3.478.627
7.1. Thu nhập thuần từ hoạt động khác	18		17.699.019	3.478.627
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay	20		8.268.042.207	12.332.767.212
9. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	30	VI.6	(22.504.935)	14.527.210
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		8.290.547.142	12.318.240.002
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	50		1.393.524.782	1.763.351.468
11.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.393.524.782	1.763.351.468
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.897.022.360	10.554.888.534

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Phan Quỳnh Dao
Giám đốcLưu Quang Vũ
Kế toán trưởngVõ Thị Minh Thư
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

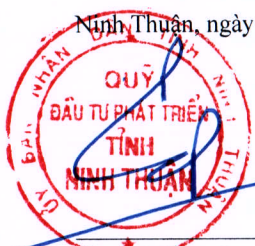
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B03a - ĐTPT**Đơn vị tính: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp	01	^	6.686.300.000	21.454.339.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.382.423.594)	(1.138.444.337)
3. Tiền thu từ các Khoản phí	03		742.770.519	784.606.464
4. Tiền chi cho vay	04		(3.096.491.300)	(8.070.157.036)
5. Tiền thu hồi gốc cho vay	05		6.097.149.351	6.133.195.639
6. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	06		7.083.408.740	7.020.269.209
7. Chênh lệch tiền thu, chi từ nhận vốn ủy thác cấp phát đầu tư	11		-	(8.004.074.742)
8. Tiền chi trả cho người lao động	16		(2.685.274.532)	(4.227.845.084)
9. Thuế TNDN đã nộp	18		(1.013.694.128)	(1.706.975.594)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	19		125.406.451	2.722.798.789
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20		(11.316.169.170)	(5.958.599.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.240.982.337	9.009.112.611
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33		(105.472.000.000)	(96.000.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34		104.205.000.000	79.019.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(1.267.000.000)	(16.981.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60		(26.017.663)	(7.971.887.389)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	70		49.524.413	8.021.411.802
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	80	V.1	23.506.750	49.524.413

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Thư
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B 09-ĐTPT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương
 - **Vốn điều lệ** : 120.000.000.000 VND do ngân sách tỉnh cấp và bổ sung từ các nguồn khác theo quy định.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Cho vay, đầu tư theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Quỹ được thành lập nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận.
4. **Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Quỹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 10 (mười) của Quỹ.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 209/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng với Quỹ đầu tư phát triển địa phương, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, các khoản thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	21
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4
Thiết bị văn phòng	5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Quỹ thể hiện quyền sử dụng đất.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Đầu tư xây dựng dự án công trình

Giá trị đầu tư xây dựng dự án công trình được trình bày trên Báo cáo tài chính là giá trị các khoản đầu tư trực tiếp của Quỹ vào các dự án, công trình thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Giá trị đầu tư xây dựng dự án công trình được ghi nhận tại thời điểm có hồ sơ nghiệm thu từng phần hoặc hồ sơ quyết toán toàn bộ với nhà thầu xây dựng. Đối với Hợp đồng xây dựng có điều chỉnh đơn giá hoặc phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng, Quỹ tạm ghi nhận giá trị đầu tư xây dựng dự án theo đơn giá trúng thầu, phần giá trị khối lượng còn lại được ghi nhận khi hồ sơ quyết toán công trình được phê duyệt theo quy định.

8. Các khoản trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Quỹ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận sau thuế phân phối vào các Quỹ được thực hiện theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển địa phương, Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển địa phương và khi có quyết định của UBND tỉnh.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách đáng tin cậy, trong đó lãi tiền gửi, lãi cho vay phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu lãi cho vay được Quỹ ngừng ghi nhận vào kết quả kinh doanh và theo dõi ngoài bảng kế từ thời điểm khoản nợ được phân loại sang nhóm 2 trở lên.

11. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

12. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Quỹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	15.668.000	9.979.973
Tiền gửi ngân hàng	7.838.750	39.544.440
Cộng	23.506.750	49.524.413

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn	93.642.000.000	93.642.000.000	92.375.000.000	92.375.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Ninh Thuận	54.340.000.000	54.340.000.000	50.970.000.000	50.970.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Liên Việt Post Bank	5.497.000.000	5.497.000.000	6.100.000.000	6.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Công thương tỉnh Ninh Thuận	27.525.000.000	27.525.000.000	28.855.000.000	28.855.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Ngoại thương tỉnh Ninh Thuận	6.280.000.000	6.280.000.000	6.450.000.000	6.450.000.000
Cộng	93.642.000.000	93.642.000.000	92.375.000.000	92.375.000.000

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ trên 3 tháng đến 13 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước với lãi suất bình quân 5%/năm (năm 2020: 5,94%/năm).

3. Cho vay

3.1. Hình thức cho vay

a. Quỹ trực tiếp cho vay

Trung tâm quản lý nhà và chung cư Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh BĐS Phú Thịnh Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Trí Đức	18.672.398.828	18.532.355.837	21.758.534.956	21.595.345.944
	9.675.731.947	9.603.163.957	11.415.731.947	11.330.113.957
	6.233.419.321	6.186.668.676	10.342.803.009	10.265.231.986
	2.763.247.560	2.742.523.203	-	-
b. Quỹ hợp vốn cho vay	7.022.950.113	6.970.277.987	6.937.472.036	6.885.440.996
Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	7.022.950.113	6.970.277.987	6.937.472.036	6.885.440.996
Cộng	25.695.348.941	25.502.633.824	28.696.006.992	28.480.786.940

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3.2/ Phân tích chất lượng dư nợ cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	25.695.348.941	28.696.006.992
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	-	-
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	-	-
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	-	-
Cộng	25.695.348.941	28.696.006.992

3.3/ Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian

Nợ trung hạn	7.024.192.851	7.806.763.499
Nợ dài hạn	18.671.156.090	20.889.243.493
Cộng	25.695.348.941	28.696.006.992

3.4/ Dự phòng rủi ro cho vay

a/ Dự phòng chung

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(215.220.052)	(200.692.842)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	(14.764.317)	(20.462.385)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ	37.269.252	5.935.175
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro		
Số cuối năm	(192.715.117)	(215.220.052)

b/ Dự phòng cụ thể:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ	-	-
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	-	-
Số cuối năm	-	-

4. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng có thời gian thu hồi không quá 12 tháng	2.441.955.830	2.597.782.848
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi tiền cho vay	1.360.910.188	1.864.212.329
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ninh Thuận</i>	<i>484.205.342</i>	<i>755.728.905</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Ninh Thuận</i>	<i>147.308.273</i>	<i>183.043.013</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Ninh Thuận</i>	<i>47.550.137</i>	<i>74.338.849</i>
<i>Ngân hàng TMCP ĐPTT VN - CN Ninh Thuận</i>	<i>681.846.436</i>	<i>844.934.920</i>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận</i>	-	6.166.642
Phải thu hoạt động đầu tư trực tiếp ngắn hạn	567.765.000	-
Phí nhận ủy thác quản lý hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng Ninh Thuận	513.280.642	733.570.519
Cộng	2.441.955.830	2.597.782.848

5. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán không quá 12 tháng	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Miền Nhiệt Đới	81.000.000	-
Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên môi trường Ninh Thuận	27.750.000	-
Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	114.000.000	-
Cộng	222.750.000	-
Trả trước cho người bán trên 12 tháng	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

6. Phải thu khác

Tạm ứng nhân viên	29.877.000	54.083.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	11.040.646
Cộng	29.877.000	65.123.646

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	-	-	892.274.334	-
Dự án đầu tư khác	-	-	892.274.334	-
<i>Chi phí đầu tư hoàn thành Dự án KDC đường Minh Mạng</i>	-	-	780.079.803	-
<i>Chi phí đầu tư hoàn thành Dự án KDC Cầu Quắn - Cà Ná</i>	-	-	112.194.531	-
Cộng	-	-	892.274.334	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.383.833.710	212.800.000	40.000.000	1.636.633.710
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.383.833.710	212.800.000	40.000.000	1.636.633.710

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	509.236.153	212.800.000	40.000.000	762.036.153
Tăng trong năm	66.812.076	-	-	66.812.076
Khấu hao trong năm	66.812.076	-	-	66.812.076
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	576.048.229	212.800.000	40.000.000	828.848.229
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	874.597.557	-	-	874.597.557
Số cuối năm	807.785.481	-	-	807.785.481
<i>Trong đó:</i>				
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Số đầu năm	-	212.800.000	40.000.000	252.800.000
Số cuối năm	-	212.800.000	40.000.000	252.800.000

(*) Nhà cửa vật kiến trúc là giá trị tài sản trên đất tại số 01 đường Hùng Vương, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Quỹ được nhà nước giao tài sản này không thu tiền sử dụng đất và thời hạn sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 183516 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 11/07/2013.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có diện tích 616,1 m² tại số 01 đường Hùng Vương, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận với giá trị là 8.541.000.000 VND. Quỹ được nhà nước giao tài sản này không thu tiền sử dụng đất và thời hạn sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 183516 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 11/07/2013.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư dự án KDC Đồng Giã	310.234.391	310.234.391	-	-
Cộng	310.234.391	310.234.391	-	-

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước không quá 12 tháng	-	-
Chi phí trả trước trên 12 tháng	-	25.729.971
Chi phí công cụ dụng cụ	-	25.729.971
Cộng	-	25.729.971

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hoạt động nhận ủy thác, nhận hợp vốn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	8.004.074.742
Số nhận trong kỳ	39.376.213.450	-
Số đã giải ngân trong kỳ	39.376.213.450	2.526.192.134
Nộp trả lại Ngân sách	-	5.477.882.608
Số dư cuối năm	-	-

Năm 2021, Quỹ nhận vốn ủy thác của Quỹ Phát triển đất tỉnh để ứng vốn thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các Dự án với tổng số tiền 39.376.213.450 đồng, đến 31/12/2021 vốn đã giải ngân tạm ứng chưa thu hồi, cụ thể:

- Dự án Trung tâm thương mại Tháp Chàm: 9.129.624.428 đồng (theo Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận).
- Dự án Trụ sở làm việc của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Ninh Thuận: 928.827.022 đồng (theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận).
- Dự án Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Ninh Thuận: 12.250.000.000 đồng (theo Quyết định số 125/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận).
- Dự án Khách sạn du lịch cao cấp tại phường Mỹ Bình: 67.762.000 đồng (theo Quyết định số 280/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận).
- Dự án Nhà máy Thông Thuận Seafood 1: 17.000.000.000 đồng (theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 12/6/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận).

13. Phải trả người bán

a/ Các khoản phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng An Lộc Ninh Thuận	1.127.130	1.127.130	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thuận Phát	27.680.000	27.680.000	-	-
Cộng	28.807.130	28.807.130	-	-

b/ Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

c/ Phải trả người bán là các bên liên quan: Không có

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các Khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT cung cấp dịch vụ trong nước	-	597.936.608	(118.927.429)	479.009.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.989.995	1.393.524.782	(1.013.694.128)	466.820.649
Thuế thu nhập cá nhân	11.774.084	79.015.878	(129.460.207)	(38.670.245)
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế, phí, lệ phí khác	8.877.813.271	570.085.850	(9.447.899.121)	-
- <i>Phí sử dụng đường bộ</i>	-	1.068.000	(1.068.000)	-
- <i>Tiền sử dụng đất phải nộp</i>	8.877.813.271	569.017.850	(9.446.831.121)	-
Cộng	8.976.577.350	2.643.563.118	(10.712.980.885)	907.159.583

Trình bày trên Cân đối kế toán:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	38.670.245
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.976.577.350	945.829.828

15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a/ Các khoản phải trả	124.171.824	106.232.164
Bảo hiểm xã hội	-	12.923.400
Bảo hiểm y tế	-	2.280.600
Phải trả khác	124.171.824	91.028.164
Cộng	124.171.824	106.232.164

b/ Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
---	----------	----------

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày 01 tháng 01	401.483.739	743.955.395
Tăng khác	5.970.000	7.460.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	673.442.561	448.590.240
Chi các quỹ	(719.254.633)	(798.521.896)
Giảm khác	(49.862.424)	-
Tại ngày 31 tháng 12	311.779.243	401.483.739

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn ngân sách nhà nước cấp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	3.856.490.815	925.535.824	8.740.014.673	113.522.041.312
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.554.888.534	10.554.888.534
Trích lập quỹ trong năm trước	-	7.545.478.097	930.069.776	(8.924.138.113)	(448.590.240)
Số cuối năm trước	100.000.000.000	11.401.968.912	1.855.605.600	10.370.765.094	123.628.339.606
Số đầu năm nay	100.000.000.000	11.401.968.912	1.855.605.600	10.370.765.094	123.628.339.606
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.897.022.360	6.897.022.360
Trích lập quỹ trong năm	-	8.737.094.860	1.055.488.853	(10.466.026.274)	(673.442.561)
Số cuối năm nay	120.000.000.000	139.063.772	2.911.094.453	6.801.761.180	129.851.919.405

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Quý đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quyết định số 23/QĐ-HĐQL ngày 14/6/2021 của Hội đồng quản lý Quý, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trích quỹ đầu tư phát triển	8.737.094.860	7.545.478.097
Trích quỹ thưởng BQL điều hành	206.982.813	264.466.800
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	371.198.568	184.123.440
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	95.261.180	-
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.055.488.853	930.069.776
Cộng	10.466.026.274	8.924.138.113

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
2. Ngoại tệ các loại	-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	69.246.000.000	64.846.000.000
4. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác	-	-
5. Lãi chưa thu cho vay đầu tư	-	-
6. Các cam kết bảo lãnh cho khách hàng	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thu nhập lãi thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần lãi cho vay	6.580.106.599	7.197.020.292
Doanh thu từ lãi tiền cho vay	1.856.550.003	1.984.375.671
Doanh thu từ lãi tiền gửi	4.723.556.596	5.212.644.621
Chi phí hoạt động cho vay	1.471.338	797.567
Thu nhập lãi thuần	6.578.635.261	7.196.222.725

2. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp

Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	6.132.961.639	20.722.252.872
Giá vốn hoạt động đầu tư trực tiếp	980.634.144	10.846.458.841
Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	5.152.327.495	9.875.794.031

3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ

Doanh thu nhận ủy thác quản lý hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DN vừa và nhỏ tỉnh Ninh Thuận	474.982.401	668.243.812
Chi phí hoạt động dịch vụ	-	-
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	474.982.401	668.243.812

4. Chi phí hoạt động kinh doanh

a/ Chi phí bán hàng	45.454.545	52.727.273
Chi phí bán hàng khác	45.454.545	52.727.273
b/ Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.910.147.424	5.358.244.710
Chi phí nhân viên quản lý	2.585.235.302	3.985.324.328
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.640.971	57.553.213
Chi phí khấu hao TSCĐ	66.812.076	66.995.123
Thuế, phí và lệ phí	4.314.234	5.119.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.987.070	126.181.209
Chi phí bằng tiền khác	1.060.157.771	1.117.071.520
Cộng	3.955.601.969	5.410.971.983

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập thuần khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	17.699.019	3.478.627
Xử lý số dư công nợ	2.769	-
Thu nhập khác	17.696.250	3.478.627
Chi phí khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Thu nhập thuần khác	17.699.019	3.478.627

6. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay

a/ Dự phòng chung	(22.504.935)	14.527.210
b/ Dự phòng cụ thể	-	-
Cộng	(22.504.935)	14.527.210

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.290.547.142	12.318.240.002
Các khoản điều chỉnh LNKT trước thuế	211.365.324	277.127.626
Các khoản điều chỉnh tăng	211.365.324	277.127.626
- Chi phí thù lao HĐQT không chuyên trách	144.553.248	210.132.503
- Chi phí khấu hao TSCĐ	66.812.076	66.995.123
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	8.501.912.466	12.595.367.628
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	1.700.382.493	2.519.073.526
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	-	(755.722.058)
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	(510.114.748)	-
Thuế TNDN nộp bổ sung theo Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận	203.257.037	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.393.524.782	1.763.351.468

Năm 2021, Quỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2021, Quỹ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Quỹ không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Nghị quyết và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan khác với Quỹ gồm:

Bên liên quan

UBND tỉnh Ninh Thuận

Mối quan hệ

Chủ sở hữu

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Quỹ với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đã cấp từ UBND tỉnh Ninh Thuận	<u>120.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>
Cộng	<u>120.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương, thù lao của Người quản lý của Quỹ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao của Người quản lý của Quỹ (bao gồm HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)	<u>1.193.261.480</u>	<u>1.713.393.839</u>
Cộng	<u>1.193.261.480</u>	<u>1.713.393.839</u>

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 3 năm 2022



Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Thư
Người lập biểu



Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính